



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

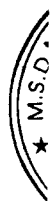
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Hà Nội, tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-21

0102
C
KI
WAN

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Trịnh Văn Hải

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01/11/2017 do nghỉ hưu theo chế độ)

Ông Lê Tiến Thịnh

Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 01/11/2017)

Ban Giám đốc

Ông Lê Tiến Thịnh

Giám đốc

Ông Phạm Quốc Đạt

Phó Giám đốc

Ông Phạm Quang Tuấn

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Giang

Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty, do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Tiến Thịnh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

546
ÔN
TN
EM
VA
Y P



Số: 001 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch, Ban Giám đốc
Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 01 năm 2018, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

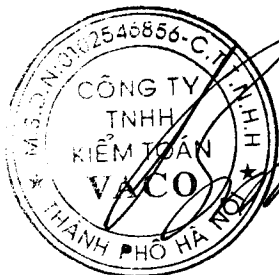
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Quản lý Bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

- i. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, trong năm 2017 Công ty đã điều chỉnh tỷ lệ trích khấu hao của tài sản cố định là “Máy móc thiết bị” phục vụ hoạt động dịch vụ công ích của Công ty do thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của hệ thống này. Theo đó, chi phí khấu hao trong năm 2017 tăng lên khoảng 8,8 tỷ đồng, doanh thu dịch vụ công ích tăng lên khoản tương ứng.
- ii. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 - Vốn chủ sở hữu, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2017, việc phân phối lợi nhuận này chưa được phê duyệt của chủ sở hữu là Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.
- iii. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Trong quý 4, Công ty đã thực hiện tạm ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ đối với Tổng Công ty Quản lý bay với giá trị 70.321.723.272 đồng trên cơ sở hợp đồng đã ký, biên bản nghiệm thu hoàn thành. Các khoản doanh thu này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam thanh lý hợp đồng chính thức.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Ngô Tiên Thành
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3754-2016-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		223.823.913.233	187.527.344.014
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	108.571.919.202	87.334.299.702
1. Tiền	111		49.304.587.681	44.102.309.627
2. Các khoản tương đương tiền	112		59.267.331.521	43.231.990.075
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.040.538.341	88.638.087.460
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	78.858.176.128	84.304.996.404
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.967.916.836	752.725.282
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	10.214.445.377	3.580.365.774
III. Hàng tồn kho	140		14.065.360.106	11.284.178.351
1. Hàng tồn kho	141	7	14.307.541.959	11.519.327.009
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(242.181.853)	(235.148.658)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.146.095.584	270.778.501
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.137.004.906	270.778.501
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.090.678	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		193.021.839.248	200.720.128.556
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		170.760.713.986	175.349.512.282
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	163.822.208.785	167.010.914.351
- Nguyên giá	222		540.874.475.979	500.582.415.645
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(377.052.267.194)	(333.571.501.294)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	6.938.505.201	8.338.597.931
- Nguyên giá	228		12.875.421.171	12.217.688.289
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.936.915.970)	(3.879.090.358)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.119.857.200	18.621.817.416
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	16.119.857.200	18.621.817.416
IV. Tài sản dài hạn khác	260		6.131.268.062	6.738.798.858
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.591.079.853	2.350.422.027
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		4.540.188.209	4.388.376.831
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		416.845.752.481	388.247.472.570

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		120.388.530.306	94.940.048.441
I. Nợ ngắn hạn	310		82.112.586.954	73.079.542.189
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	4.882.527.224	11.804.602.986
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	7.184.006.822	9.198.709.121
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	8.441.346.122	4.230.677.033
4. Phải trả người lao động	314		41.696.718.421	36.377.080.543
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.184.406.950	2.717.499.912
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		954.665.854	825.847.216
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	14	1.513.150.424	755.951.457
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.255.765.137	7.169.173.921
II. Nợ dài hạn	330		38.275.943.352	21.860.506.252
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	12	27.647.343.800	15.610.413.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	72.226.080
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		10.628.599.552	6.177.867.172
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		296.457.222.175	293.307.424.129
Vốn chủ sở hữu	410		296.457.222.175	293.307.424.129
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	15	279.084.000.000	276.488.165.045
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.419.618.865	10.910.203.741
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.953.603.310	5.909.055.343
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		945.583.506	742.820.085
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.008.019.804	5.166.235.258
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		416.845.752.481	388.247.472.570



Le Thiên Thịnh
Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Như Thành
Kế toán trưởng

Ông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Số năm nay	Số năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2	286.629.122.533	248.201.400.029
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		286.629.122.533	248.201.400.029
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	3	182.861.838.068	154.022.904.779
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		103.767.284.465	94.178.495.250
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5	1.721.303.875	1.456.769.264
6. Chi phí tài chính	22	6	74.652.157	146.703.754
7. Chi phí bán hàng	25	7	696.893.896	143.320.075
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7	50.054.173.634	47.759.000.607
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		54.662.868.653	47.586.240.078
10. Thu nhập khác	31		259.901.391	1.315.639.182
11. Chi phí khác	32		584.770.860	1.845.947.157
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(324.869.469)	(530.307.975)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.337.999.184	47.055.932.103
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	12.207.913.582	10.485.822.880
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		42.130.085.602	36.570.109.223



Lê Tiến Thành
Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Như Thành
Kế toán trưởng

Ưng Thị Thu Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm nay	
		Số năm nay	Số năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	317.851.031.485	263.103.744.441
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(77.097.315.125)	(69.123.706.572)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(82.964.532.966)	(75.673.031.365)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(10.050.830.218)	(9.894.855.789)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.783.231.283	16.388.946.243
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(92.830.954.309)	(61.103.611.004)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>67.690.630.150</i>	<i>63.697.485.954</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(47.950.218.570)	(34.675.683.869)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	(5.272.728)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.603.002.658	1.176.145.562
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(46.347.215.912)</i>	<i>(33.504.811.035)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(78.463.605)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(78.463.605)</i>	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	<i>21.264.950.633</i>	<i>30.192.674.919</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	87.334.299.702	57.003.216.140
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(27.331.133)	138.408.643
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</i>	70	<i>108.571.919.202</i>	<i>87.334.299.702</i>



Lê Tiên Thịnh
Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Như Thành
Kế toán trưởng

Ưng Thị Thu Huyền
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104831665 cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 08 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên sửa đổi lần 7 vào ngày 26 tháng 09 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 279.084.000.000 đồng.

Trụ sở chính đặt tại số 5/200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 394 người (tại ngày 31/12/2016 là 392 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, chỉ đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê tài sản trên đất, cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm Khoa học Tự nhiên và Kỹ thuật;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn quản lý chi phí hạng 2: Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Xác định chỉ tiêu xuất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; (không bao gồm các hoạt động: lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm soát chi phí xây dựng công trình đối với các dự án trọng điểm quốc gia);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính;
- Lập trình máy vi tính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

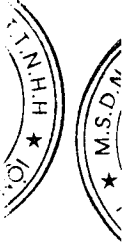
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Hoạt động viễn thông không dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông có dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồng hồ;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các kết cấu kiện kim loại;
- Công thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí);

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Hoạt động chính

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, chỉ đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;

Ngoài ra, Công ty thực hiện cung cấp các sản phẩm công nghiệp hàng không.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, một số hợp đồng được thực hiện trong thời gian nhiều hơn 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau đây:

Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Chuyên ngành đặt tại số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-CTCT ngày 11/01/2017 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay.

Chi nhánh của Công ty đặt tại số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 107/QĐ-KTQLB ngày 09/02/2011 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/04/2012).

Xí nghiệp Chế tạo thiết bị hàng không đặt tại tổ 15, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 502/QĐ-CTCT ngày 28/10/2014 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/01/2015).

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam (Công ty mẹ).
- Các Công ty con của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc: Quản lý chủ chốt.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có một số vật tư, công cụ dụng cụ không biến động trong năm. Theo Ban Giám đốc Công ty đây là số vật tư, công cụ dụng cụ dùng để thay thế, sửa chữa, vẫn tiếp tục sử dụng nên Công ty xác định không trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	2017
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Trong năm 2017, Công ty đã điều chỉnh khung thời gian trích khấu hao của một số tài sản cố định là “Máy móc thiết bị” phục vụ cho hoạt động công ích (vẫn nằm trong khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính) do thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của hệ thống này. Theo đó, chi phí khấu hao trong năm 2017 tăng lên khoảng 8,8 tỷ đồng, doanh thu dịch vụ công ích của Công ty trong năm 2017 tăng lên một khoản tương ứng. Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc điều chỉnh thời gian khấu hao này là phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty và thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 08 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, các khoản trả trước cho nhiều kỳ.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (tiếp theo)

- Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
- Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được theo dõi trên sổ sách kế toán và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 8,4% lợi nhuận kế toán trước thuế và trước trích lập quỹ trong năm phù hợp với điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí.

Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam. Trong năm Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận theo Quy chế tài chính của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ do Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam quyết định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAYSố 5/200 đường Nguyễn Sơn,
Phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	198.687.874	224.562.958
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.105.899.807	43.877.746.669
Các khoản tương đương tiền (i)	59.267.331.521	43.231.990.075
	108.571.919.202	87.334.299.702

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn một tháng.**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	78.858.176.128	84.304.996.404
Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam	65.369.168.414	73.031.822.905
Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng	5.900.422.213	8.113.099.708
Các đối tượng khác	7.588.585.501	3.160.073.791
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (i)	67.621.352.097	73.275.053.511

Ghi chú: (i) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.**6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a, Phải thu khác ngắn hạn	10.214.445.377	-	3.580.365.774	-
Tạm ứng	1.157.743.222	-	1.100.392.535	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	8.872.173.390	-	2.318.811.798	-
Phải thu khác	184.528.765	-	161.161.441	-
b, Phải thu khác dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	3.413.906.258	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.190.881.798	(225.846.235)	4.326.918.055	(217.358.040)
Công cụ, dụng cụ	185.927.595	(10.518.000)	198.642.641	(11.473.000)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở	9.564.627.934	-	3.196.718.890	-
Thành phẩm	359.168.994	(2.257.697)	364.646.130	(6.317.618)
Hàng hoá	6.935.638	(3.559.921)	18.495.035	-
	14.307.541.959	(242.181.853)	11.519.327.009	(235.148.658)

Công ty thực hiện trích lập dự phòng đối với vật tư, hàng hóa kém, mất phẩm chất, không có nhu cầu sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị: VND Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	80.753.247.124	410.613.871.324	7.805.583.125	1.409.714.072	500.582.415.645
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.360.806.528	35.724.121.726	-	173.518.430	40.258.446.684
Nhận điều chuyển từ Tổng Công ty Quản lý Bay	-	33.613.650	-	-	33.613.650
Số dư cuối năm	85.114.053.652	446.371.606.700	7.805.583.125	1.583.232.502	540.874.475.979
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư đầu năm	39.015.534.035	287.247.503.022	6.222.874.965	1.085.589.272	333.571.501.294
Khấu hao trong năm	5.937.174.296	37.709.841.993	327.311.152	134.511.865	44.108.839.306
Nhận điều chuyển từ Tổng Công ty Quản lý Bay	-	33.613.650	-	-	33.613.650
Phân loại lại sang TSCĐ VH	-	(661.687.056)	-	-	(661.687.056)
Số dư cuối năm	44.952.708.331	324.329.271.609	6.550.186.117	1.220.101.137	377.052.267.194
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư cuối năm	40.161.345.321	122.042.335.091	1.255.397.008	363.131.365	163.822.208.785
Số dư đầu năm	41.737.713.089	123.366.368.302	1.582.708.160	324.124.800	167.010.914.351

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 của Công ty là 183.031.565.571 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 162.898.321.786 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định chờ thanh lý là 3.226.896.230 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị: VND		
	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Phần mềm khác</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	151.520.000	12.066.168.289	12.217.688.289
Tăng trong năm		657.681.812	657.681.812
Tăng do điều chỉnh quyết toán XDCB		51.070	51.070
Số dư cuối năm	151.520.000	12.723.901.171	12.875.421.171
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ			
Số dư đầu năm	136.520.366	3.742.569.992	3.879.090.358
Khấu hao trong năm	14.999.634	1.381.138.922	1.396.138.556
Phân loại lại từ TSCĐ hữu hình	-	661.687.056	661.687.056
Số dư cuối năm	151.520.000	5.785.395.970	5.936.915.970
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối năm	-	6.938.505.201	6.938.505.201
Số dư đầu năm	14.999.634	8.323.598.297	8.338.597.931

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 2.330.375.417 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 1.836.419.985 đồng).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư và khai thác các trạm VHF/VSAT Trường Sa Lớn và Song Tử Tây	-	11.269.350.551
Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty TNHH KTQLB tại 58 TS	11.000.827.860	1.179.111.312
Đầu tư đài dẫn đường VOR/DME Tuy Hòa	-	4.773.364.224
Đầu tư đài dẫn đường VOR/DME Rạch Giá	1.599.721.458	300.223.892
Đầu tư VHF/VSAT Cà Mau	740.935.585	416.316.592
Xây dựng phòng thí nghiệm CNS/ATM	-	630.020.779
Báo cáo phòng thí nghiệm kỹ thuật điện tử	2.526.648.431	-
Công trình khác	251.723.866	53.430.066
	16.119.857.200	18.621.817.416

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	4.882.527.224	4.882.527.224	11.804.602.986	11.804.602.986
Công ty Selex Systems Integration Inc	3.843.897.390	3.843.897.390	3.412.167.675	3.412.167.675
Các đối tượng khác	1.038.629.834	1.038.629.834	8.392.435.311	8.392.435.311
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.184.006.822	9.198.709.121
Tổng công ty Cảng Hàng không Việt nam	7.070.234.094	7.450.127.270
Các đối tượng khác	113.772.728	1.748.581.851
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	27.647.343.800	15.610.413.000
Cục Hàng không Dân dụng Singapore	27.647.343.800	15.610.413.000

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã thực nộp trong năm VNĐ	Số cuối năm VNĐ
Phải nộp	4.230.677.033	42.322.403.494	38.111.734.405	8.441.346.122
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.782.360.269	20.213.762.771	18.148.738.731	4.847.384.309
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.175.036.995	2.175.036.995	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	14.200.890	14.200.890	-
- Thuế thu nhập cá nhân	34.325.273	4.032.095.928	4.043.534.243	22.886.958
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.413.991.491	12.207.913.582	10.050.830.218	3.571.074.855
- Thuế nhà thầu nộp thay	-	3.054.773.916	3.054.773.916	-
- Thuế đất	-	578.406.261	578.406.261	-
- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
- Thuế khác	-	40.213.151	40.213.151	-
	4.230.677.033	42.322.403.494	38.111.734.405	8.441.346.122

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ
a) Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.513.150.424	1.513.150.424	755.951.457	755.951.457
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	1.513.150.424	1.513.150.424	755.951.457	755.951.457
b) Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	72.226.080	72.226.080
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	-	72.226.080	72.226.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VNĐ Tổng
Số dư đầu năm trước	268.480.379.243	-	7.259.718.296	1.273.867.564	277.013.965.103
Lãi trong năm	-	-	-	36.570.109.223	36.570.109.223
Tăng vốn điều lệ bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	7.259.718.296	-	(7.259.718.296)	-	-
Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế	748.067.506	-	-	(748.067.506)	-
Tăng trong năm	-	252.897.109	-	217.020.027	469.917.136
Giảm trong năm	-	(252.897.109)	-	-	(252.897.109)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	10.910.203.741	(31.403.873.965)	(20.493.670.224)
Số dư đầu năm nay	276.488.165.045	-	10.910.203.741	5.909.055.343	293.307.424.129
Lãi trong năm	-	-	-	42.130.085.602	42.130.085.602
Tăng vốn điều lệ bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển (i)	2.595.834.955	-	(2.595.834.955)	-	-
Tăng trong năm	-	44.116.186	-	-	44.116.186
Giảm trong năm	-	(44.116.186)	(11.532.918.474)	-	(11.577.034.660)
Phân phối lợi nhuận trong năm (ii)	-	-	12.638.168.553	(40.085.537.635)	(27.447.369.082)
Số dư cuối năm nay	279.084.000.000	-	9.419.618.865	7.953.603.310	296.457.222.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

- i. Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Quyết định số 151/QĐ/HĐTV ngày 11/04/2017 của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam về việc phê duyệt báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay.
- ii. Tại ngày 31/12/2017, Công ty tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 12.638.168.553 VND và 22.405.433.640 VND dựa trên kết quả kinh doanh năm 2017, số trích quỹ cuối cùng phụ thuộc vào quyết định phê duyệt của chủ sở hữu Công ty.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp như sau:

	Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh thay đổi		Vốn đã góp tại ngày cuối năm	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam	279.084.000.000	100%	279.084.000.000	100%
	279.084.000.000	100%	279.084.000.000	100%

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồng Đô la Mỹ (USD)	508.293,09	446.326,45
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	1.876,97	2.318,15

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
a) Doanh thu	286.629.122.533	248.201.400.029
Doanh thu bán hàng hóa	12.001.092.049	13.941.002.410
Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	274.625.599.569	234.211.840.472
Doanh thu khác	2.430.915	48.557.147
b) Doanh thu đối với bên liên quan (ii)	207.035.836.805	189.062.806.824

- i. Trong quý 4, Công ty đã thực hiện tạm ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ đối với Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam với giá trị 70.321.723.272 đồng trên cơ sở hợp đồng đã ký, biên bản nghiệm thu hoàn thành. Các khoản doanh thu này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam thanh lý hợp đồng chính thức.
- ii. Doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Giá vốn hàng hóa	8.146.057.882	8.465.788.051
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	174.708.746.991	145.518.623.919
Trích lập/(Hoàn nhập) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.033.195	38.492.809
	182.861.838.068	154.022.904.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Số năm nay VNĐ	Số năm trước VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.315.680.557	9.916.075.013
Chi phí nhân công	112.245.464.896	98.631.316.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.327.990.862	36.379.385.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.486.328.777	49.952.787.978
Chi phí khác bằng tiền	22.239.464.844	22.348.359.711
	250.614.929.936	217.227.924.696
20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Số năm nay VNĐ	Số năm trước VNĐ
Lãi tiền gửi	1.620.329.314	1.178.834.050
Lãi chênh lệch tỷ giá	100.974.561	277.935.214
	1.721.303.875	1.456.769.264
21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Số năm nay VNĐ	Số năm trước VNĐ
Lỗ chênh lệch tỷ giá	74.652.157	146.703.754
	74.652.157	146.703.754
22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Số năm nay VNĐ	Số năm trước VNĐ
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	50.054.173.634	47.759.000.607
Tiền lương	31.614.150.095	30.165.740.082
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	18.440.023.539	17.593.260.525
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	696.893.896	143.320.075
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	(748.884.077)	(598.520.150)
Trích dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	1.440.924.344	741.840.225
Các khoản chi phí bán hàng khác	4.853.629	-
	50.751.067.530	47.902.320.682
23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Số năm nay VNĐ	Số năm trước VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	54.337.999.184	47.055.932.103
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	6.701.568.724	5.373.182.298
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	6.748.974.805	5.575.945.719
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	(47.406.081)	(202.763.421)
Thu nhập chịu thuế	61.039.567.908	52.429.114.401
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.207.913.582	10.485.822.880

Trong năm, ngoài khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khoảng 6,7 tỷ đồng, Công ty đánh giá không có khoản chênh lệch nào khác giữa lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ TRỌNG YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư trọng yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Bán hàng		207.035.836.805	189.062.806.824
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	202.903.671.516	184.904.413.563
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	2.471.948.239	14.600.000
Công ty Quản lý Bay Miền Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	23.977.119	2.235.998.353
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	913.354.779	1.885.724.272
Trung tâm quản lý luồng không lưu - Chi nhánh Tổng Công ty QLBNV	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	639.661.818	22.070.636
Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty QLBNV	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	83.223.334	-

Bên liên quan	Quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu		67.621.352.097	73.275.053.511
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	65.369.168.414	73.031.822.905
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	2.135.921.466	9.891.785
Công ty Quản lý Bay Miền Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	2.945.250	9.265.451
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	199.795.670
Trung tâm quản lý luồng không lưu - Chi nhánh Tổng Công ty QLBNV	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	21.771.300	24.277.700
Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty QLBNV	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	91.545.667	-

Thu nhập của Chủ tịch và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lương	2.286.600.000	2.334.000.000
Thưởng và các khoản khác	205.300.000	164.667.000



Lê Tiến Thịnh
Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Như Thành
Kê toán trưởng

Ưng Thị Thu Huyền
Người lập biểu